

## THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THúc ĐẨY TÁI CƠ CẤU NGÀNH LÂM NGHIỆP TỈNH HÀ TĨNH

**Võ Thị Phương Nhung**

*Trường Đại học Lâm Nghiệp*

### TÓM TẮT

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp nói chung và ngành lâm nghiệp nói riêng là một trong những mục tiêu quan trọng nhằm phát triển kinh tế xã hội, trong thời kỳ hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu của tỉnh Hà Tĩnh. Giai đoạn 2013-2015 đã có những chuyển biến tích cực trong tái cấu trúc ngành lâm nghiệp theo hướng nâng cao giá trị sản xuất, nâng cao chất lượng rừng; đa dạng hóa các hoạt động sản xuất và các thành phần tham gia phát triển lâm nghiệp... Tuy nhiên trong thực tiễn quá trình tái cơ cấu ngành lâm nghiệp của tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập: tồn tại nhiều nguy cơ thiếu bền vững, cơ cấu cây trồng rừng đơn điệu, công nghệ chế biến lâm sản lạc hậu, vốn đầu tư cho lĩnh vực lâm nghiệp ở mức thấp, sức cạnh tranh củagỗ và lâm sản ngoài gỗ chưa cao. Đề tháo gỡ cần thực hiện đồng bộ giải pháp trên các mặt: quản lý, kỹ thuật và chính sách.

**Từ khóa:** Hà Tĩnh, Lâm nghiệp, tái cơ cấu.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp đã được Bộ NN&PTNT phê duyệt nhằm mục tiêu phát triển ngành lâm nghiệp nước ta bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường bằng con đường từng bước chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của ngành.

Hà Tĩnh là một tỉnh có hơn 60% diện tích là rừng và đất lâm nghiệp nhưng chưa được phát huy đầy đủ để góp phần vào sự nghiệp phát triển toàn diện kinh tế xã hội, môi trường sinh thái của tỉnh. Năm 2015 mức đóng góp của ngành lâm nghiệp vào giá trị sản xuất của toàn tỉnh chỉ đạt hơn 1%.

Có nhiều nguyên nhân làm cho ngành lâm nghiệp của tỉnh chưa trở thành ngành kinh tế có đóng góp quan trọng cho kinh tế của tỉnh, một trong những nguyên nhân quan trọng là cơ cấu sản xuất lâm nghiệp còn chậm đổi mới, năng suất lao động thấp, giá trị gia tăng của ngành chưa cao...

Trong những năm gần đây tỉnh Hà Tĩnh đã xây dựng và triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp, thực tiễn đã đạt được những thành công quan trọng. Tuy nhiên quá trình này đang phải đối mặt với những khó khăn thách thức cần nghiên cứu giải quyết.

### II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp thu thập số liệu: tài liệu, số

liệu được sử dụng trong bài viết này chủ yếu được tổng hợp từ cơ sở dữ liệu của cơ quan thống kê và các cơ quan quản lý nhà nước tỉnh Hà Tĩnh.

- Phương pháp xử lý, phân tích số liệu: bài viết sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, so sánh để phân tích thông tin phục vụ nội dung nghiên cứu. Quá trình phân tích có sử dụng tham vấn ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Định hướng tái cơ cấu ngành lâm nghiệp của tỉnh Hà Tĩnh được xác định là nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Sau 3 năm thực hiện Đề án tái cơ cấu, tỉnh Hà Tĩnh đã có những kết quả bước đầu trong chuyển dịch cơ cấu ngành lâm nghiệp. Những kết quả của quá trình tái cơ cấu ngành được thể hiện trên các khía cạnh sau đây:

#### 3.1 Phát triển tài nguyên rừng và nâng cao chất lượng rừng

Độ che phủ rừng của tỉnh Hà Tĩnh trong giai đoạn 2008-2015 tăng lên, năm 2008 ở mức 48% đến năm 2015 tăng lên mức 52,34%.

Cơ cấu phân theo loại rừng chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng đất có rừng (cả rừng trồng và rừng tự nhiên), giảm dần diện tích chưa có rừng. Cơ cấu rừng theo chức năng có sự thay đổi theo hướng giảm diện tích đất rừng phòng hộ, tăng diện tích rừng sản xuất.

Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp toàn tỉnh tại thời điểm tháng 12 năm 2015 giảm 3.685ha so với năm 2007, trong đó đất, rừng phòng hộ giảm 3.647ha. Sự sụt giảm diện tích rừng và đất lâm nghiệp chủ yếu do các nguyên

nhân: xây dựng hồ thủy điện, thủy lợi, xây dựng khu công nghiệp, khai thác khoáng sản, đất phát triển quốc phòng, cơ sở hạ tầng, xây dựng các dự án phát triển kinh tế (cây an quả, chăn nuôi, rau củ quả, nuôi trồng thủy sản...).

**Bảng 01. Diễn biến diện tích và cơ cấu rừng, đất lâm nghiệp tỉnh Hà Tĩnh**

| TT        | Nội dung                        | Năm 2007       |              | Năm 2015       |              | Tăng, giảm diện tích (ha) |
|-----------|---------------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|---------------------------|
|           |                                 | Diện tích (ha) | Tỷ trọng (%) | Diện tích (ha) | Tỷ trọng (%) |                           |
| <b>I</b>  | <b>Phân loại theo loại rừng</b> | <b>364.655</b> | <b>100</b>   | <b>360.970</b> | <b>100</b>   | <b>-3.685</b>             |
| 1         | Rừng tự nhiên                   | 209.888        | 57,6         | 218.848        | 60,6         | 8.961                     |
| 2         | Rừng trồng                      | 92.680         | 25,4         | 107.301        | 29,7         | 14.621                    |
| 3         | Chưa có rừng                    | 62.088         | 17,0         | 34.821         | 9,6          | -27.266                   |
| <b>II</b> | <b>Phân loại theo chức năng</b> | <b>364.655</b> | <b>100</b>   | <b>360.970</b> | <b>100</b>   | <b>-3.685</b>             |
| 1         | Đất, rừng đặc dụng              | 74.598         | 20,5         | 74.512         | 20,6         | -86                       |
| 2         | Đất, rừng phòng hộ              | 118.310        | 32,4         | 114.663        | 31,8         | -3.647                    |
| 3         | Đất, rừng sản xuất              | 171.747        | 47,1         | 171.795        | 47,6         | 48                        |

(Báo cáo điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020)

Trong những năm qua, không những ngành lâm nghiệp đã quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng đã có, bảo vệ rừng chuyên sâu mà còn thực hiện khoang nuôi, xúc tiến tái sinh rừng. Giai đoạn 2008-2015, tỉnh đã bảo vệ được 323.177 ha rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng được 38.897ha.

Phát triển hệ thống rừng trồng, trong đó tập

trung chủ yếu là rừng sản xuất. Diện tích rừng trồng mới tập trung giai đoạn 2013-2015 tăng trưởng với tốc độ phát triển bình quân 8,46% một năm và nằm chủ yếu ở loại rừng sản xuất. Tỷ trọng rừng trồng mới tập trung là rừng sản xuất cả giai đoạn đều chiếm trên 80% tổng diện tích rừng trồng mới tập trung.

**Bảng 02. Diện tích rừng trồng mới tập trung giai đoạn 2013-2015**

| TT | Loại rừng     | Năm 2013       |            | Năm 2014       |            | Năm 2015       |            | Tốc độ PTBQ (%) |
|----|---------------|----------------|------------|----------------|------------|----------------|------------|-----------------|
|    |               | Diện tích (ha) | Cơ cấu (%) | Diện tích (ha) | Cơ cấu (%) | Diện tích (ha) | Cơ cấu (%) |                 |
| 1  | Rừng sản xuất | 4.550          | 86,13      | 4.933          | 80,72      | 5.028          | 80,90      | 105,12          |
| 2  | Rừng phòng hộ | 733            | 13,87      | 1.178          | 19,28      | 1.187          | 19,10      | 127,25          |
|    | <b>Tổng</b>   | <b>5.283</b>   | <b>100</b> | <b>6.111</b>   | <b>100</b> | <b>6.215</b>   | <b>100</b> | <b>108,46</b>   |

(Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh năm 2015)

Bên cạnh đó, theo chủ trương của Bộ NN&PTNT, tính đến năm 2015 tỉnh đã trồng mới được 1.091 ha rừng gỗ lớn và chuyển hoá 30 ha rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn.

**3.2. Giá trị sản xuất và chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp**

Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp đóng góp rất nhỏ vào giá trị sản xuất toàn ngành kinh tế của tỉnh, chỉ đóng góp trên 1%, và trong giai đoạn 2013-2015 có xu hướng giảm tỷ trọng từ 1,46% xuống còn 1,26%.

Cơ cấu giá trị sản xuất nội bộ ngành lâm nghiệp của tỉnh không có mấy biến động, phần lớn giá trị sản xuất thu được từ hoạt động khai thác gỗ, hoạt động dịch vụ lâm nghiệp có hướng chuyển dịch tăng dần tỷ trọng. Khai thác gỗ của tỉnh giai đoạn 2013-2015 đều chiếm tỷ trọng trên 80% giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp với tốc độ phát triển bình quân là 13,15% một năm. Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp tăng tỷ trọng từ 1,8% lên 2,9% và tốc độ phát triển bình quân cả giai đoạn đạt 43,94% một năm. Hoạt động

trồng rừng và thu nhật sản phẩm từ rừng biến động nhẹ, trồng rừng giảm tỷ trọng từ 9,8%

xuống 9,7%; thu nhật sản phẩm từ rừng giảm từ 7,3% xuống còn 7,2%.

**Bảng 03. Giá trị sản xuất và cơ cấu nội bộ ngành lâm nghiệp giai đoạn 2013-2015**

| TT | Hoạt động              | Năm 2013         |            | Năm 2014         |            | Năm 2015         |            | Tốc độ PTBQ (%) |
|----|------------------------|------------------|------------|------------------|------------|------------------|------------|-----------------|
|    |                        | GTSX (tr.đ)      | Cơ cấu (%) | GTSX (tr.đ)      | Cơ cấu (%) | GTSX (tr.đ)      | Cơ cấu (%) |                 |
| 1  | Trồng và chăm sóc rừng | 98.782           | 9,8        | 110.139          | 9,5        | 126.964          | 9,7        | 113,37          |
| 2  | Khai thác gỗ           | 847.557          | 83,7       | 956.972          | 82,5       | 1.085.113        | 83,1       | 113,15          |
| 3  | Lâm sản ngoài gỗ       | 47.544           | 4,7        | 52.373           | 4,5        | 56.038           | 4,3        | 108,57          |
| 4  | Dịch vụ lâm nghiệp     | 18.398           | 1,8        | 40.931           | 3,5        | 38.116           | 2,9        | 143,94          |
|    | <b>Tổng</b>            | <b>1.012.281</b> | <b>100</b> | <b>1.160.415</b> | <b>100</b> | <b>1.306.231</b> | <b>100</b> | 113,60          |

(Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh năm 2015)

Sản lượng gỗ khai thác giai đoạn 2013-2015 tăng bình quân 6,84% năm, trong đó chủ yếu là khai thác gỗ rừng trồng. Gỗ khai thác trên 90% là gỗ nguyên liệu giấy. Các loại lâm sản ngoài gỗ hầu hết đều có sản lượng tăng lên, tuy nhiên

tốc độ tăng chậm và chủ yếu tập trung vào một số mặt hàng như: nhựa thông, măng tươi, nứa hàng, đặc biệt là nhựa thông tăng bình quân 3 năm là 20,36% năm.

**Bảng 04. Sản lượng khai thác gỗ và một số lâm sản ngoài gỗ giai đoạn 2013-2015**

| TT  | Lâm sản          | Đơn vị    | Năm     |         |         | Tốc độ PTBQ (%) |
|-----|------------------|-----------|---------|---------|---------|-----------------|
|     |                  |           | 2013    | 2014    | 2015    |                 |
| I   | Gỗ               | m3        | 236.235 | 258.230 | 269.649 | 106,84          |
| 1   | Gỗ rừng tự nhiên | m3        | 9.288   | 19.531  | 22.500  | 155,64          |
| 2   | Gỗ rừng trồng    | m3        | 226.947 | 238.699 | 247.149 | 104,36          |
| II  | Nhựa thông       | Tấn       | 729     | 973     | 1.056   | 120,36          |
| III | Măng tươi        | Tấn       | 2.167   | 2.451   | 2.287   | 102,73          |
| IV  | Nứa hàng         | nghìn cây | 26.802  | 27.069  | 28.489  | 103,1           |

(Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh năm 2015)

### 3.3. Chuyển dịch về thành phần tham gia quản lý, phát triển lâm nghiệp

Cơ cấu diện tích rừng theo chủ quản lý có hướng chuyển dịch tăng tỷ trọng các loại hình quản lý khác và giảm tỷ trọng của các chủ quản lý là Ban quản lý rừng và các doanh nghiệp.

Sau 8 năm thực hiện Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, tổng diện tích đất lâm nghiệp không mấy biến động, nhưng cơ cấu về chủ quản lý có những chuyển biến, cụ thể: Ban

quản lý rừng đặc dụng và các doanh nghiệp có tỷ trọng diện tích đất lâm nghiệp quản lý năm 2007 lần lượt là 29,01% và 27,6%, đến năm 2015 giảm xuống còn 27,53% và 19,35%; trong khi đó các loại hình quản lý khác tăng từ 19,33% lên 18,12% ở năm 2015.

Điều này cho thấy, tỉnh Hà Tĩnh đã bước đầu thực hiện được tái cơ cấu các tổ chức quản lý rừng, giao đất, giao rừng tạo điều kiện cho các chủ rừng chủ động và yên tâm đầu tư phát triển rừng.

**Bảng 05. Biến động đất lâm nghiệp theo đơn vị quản lý**

| TT | Chủ quản lý            | Năm 2007 (ha)  |              | Năm 2015       |              |
|----|------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|
|    |                        | Diện tích (ha) | Tỷ trọng (%) | Diện tích (ha) | Tỷ trọng (%) |
| 1  | Ban quản lý rừng ĐD    | 105.788        | 29,01        | 99.390         | 27,53        |
| 2  | Ban quản lý RPH        | 87.746         | 24,06        | 87.417         | 24,22        |
| 3  | Các doanh nghiệp Q. lý | 100.630        | 27,60        | 69.857         | 19,35        |
| 4  | Các hộ gia đình        | 33.426         | 9,17         | 65.397         | 18,12        |
| 5  | Các tổ chức khác       | 37.065         | 10,16        | 38.909         | 10,78        |
|    | <b>Tổng toàn tỉnh</b>  | <b>364.655</b> | <b>100</b>   | <b>360.970</b> | <b>100</b>   |

(Báo cáo điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020)

Bên cạnh đó, tỉnh thực hiện đổi mới, sắp xếp lại các công ty lâm nghiệp sản xuất kinh doanh tổng hợp, có quyền tự chủ cao trong sản xuất kinh doanh. Cùng cố, sắp xếp tổ chức bộ máy và hoạt động của các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng hiện có, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ chính là quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, đồng thời phát huy được tiềm năng lợi thế của từng đơn vị để tham gia phát triển sản xuất.

**3.4. Điều chỉnh hệ thống cơ sở chế biến gỗ**

Điều chỉnh giảm dần cơ cấu các cơ sở chế biến gỗ quy mô nhỏ, công nghệ chế biến lạc hậu, tăng dần tỷ trọng các nhà máy, cơ sở chế biến quy mô lớn, chế biến tinh.

Trong năm 2012, tỉnh thực hiện tháo dỡ, ngừng cấp điện 244 cơ sở cưa xẻ, chế biến lâm sản quy mô nhỏ. Thực hiện chuyển đổi các nhà máy sản xuất dăm xuất khẩu sang chế biến tinh sâu như Công ty TNHH MTV Vạn Thành, huyện Hương Khê; Công ty Thanh Thành Đạt và đang từng bước chuyển đổi nhà máy sản xuất dăm của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam sang chế biến tinh; Công ty liên doanh sản xuất dăm giấy Việt Nhật, Công ty trồng rừng và sản xuất nguyên liệu giấy Hanviha,

Công ty TNHH Xuân Lâm, công ty TNHH Hoàng Anh đang là đầu mối chính tiêu thụ gỗ nguyên liệu rừng trồng... Tuy nhiên trong xuất khẩu chế biến lâm sản còn xuất khẩu thô là chủ yếu (xuất khẩu dăm chiếm 97%), chưa có sản phẩm công nghệ cao, sản xuất trên dây chuyền hiện đại, chưa tạo được hàng hóa có sức cạnh tranh để xuất khẩu trên thị trường và thế giới.

**3.5. Chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn cho lâm nghiệp**

Nguồn vốn cho ngành lâm nghiệp đến từ 2 nguồn: Nguồn vốn ngân sách cấp và nguồn vốn ngoài ngân sách. Cơ cấu nguồn vốn cho phát triển lâm nghiệp của tỉnh giai đoạn 2013-2015 phần lớn là từ nguồn ngoài ngân sách, tuy nhiên có chiều hướng tăng dần tỷ trọng vốn từ ngân sách nhà nước và giảm dần tỷ trọng nguồn vốn ngoài ngân sách.

Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2013 - 2015 chiếm tỷ trọng trên dưới 30% trong tổng vốn phát triển lâm nghiệp, từ mức hơn 31 tỷ đồng tăng lên hơn 53 tỷ đồng với tốc độ tăng bình quân 3 năm đạt 30,19% một năm. Trong đó phần lớn vẫn là nguồn vốn trung ương cấp, nguồn vốn từ ngân sách địa phương đang có chiều hướng tăng lên cả về tỷ trọng và giá trị.

**Bảng 06. Cơ cấu nguồn vốn cho phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2013 - 2015**

| TT        | Nguồn vốn                                   | Năm 2013       |             | Năm 2014       |             | Năm 2015       |             | Tốc độ PTBQ (%) |
|-----------|---|----------------|-------------|----------------|-------------|----------------|-------------|-----------------|
|           |   | Giá trị (trđ)  | Cơ cấu (%)  | Giá trị (trđ)  | Cơ cấu (%)  | Giá trị (trđ)  | Cơ cấu (%)  |                 |
| <b>I</b>  | <b>Ngân sách</b>                            | <b>31.673</b>  | <b>27,8</b> | <b>28.600</b>  | <b>21,0</b> | <b>53.688</b>  | <b>35,7</b> | <b>130,19</b>   |
| 1         | Trung ương                                  | 24.837         | 21,8        | 21.600         | 15,9        | 43.688         | 29,1        | 132,63          |
| 2         | Địa phương                                  | 6.836          | 6,0         | 7.000          | 5,1         | 10.000         | 6,7         | 120,95          |
| <b>II</b> | <b>Ngoài ngân sách</b>                      | <b>82.181</b>  | <b>72,2</b> | <b>107.632</b> | <b>79,0</b> | <b>96.553</b>  | <b>64,3</b> | <b>108,39</b>   |
| 1         | ODA   | 0              | 0           | 12.281         | 9,0         | 15.968         | 10,6        | -               |
| 2         | Dịch vụ MT rừng                             | 0              | 0           | 2.810          | 2,1         | 8.810          | 5,9         | -               |
| 3         | Vốn từ hộ gia đình, cá nhân và tổ chức khác | 82.181         | 72,2        | 92.541         | 67,9        | 77.775         | 51,8        | 97,28           |
|           | <b>Tổng</b>                                 | <b>113.854</b> | <b>100</b>  | <b>136.232</b> | <b>100</b>  | <b>150.241</b> | <b>100</b>  | <b>114,87</b>   |

*(Báo cáo đánh giá của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Nguồn vốn ngoài ngân sách trong giai đoạn 2013-2015 đều chiếm tỷ trọng trên dưới 70% vốn đầu tư cho ngành lâm nghiệp, từ mức hơn 82 tỷ đồng lên đến hơn 96 tỷ đồng với tốc độ tăng bình quân 3 năm đạt 8,39% một năm.

Trong đó phần lớn là vốn từ các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân đầu tư. Từ năm 2014, đã có sự đóng góp từ nguồn dịch vụ môi trường rừng. Đây là kết quả của việc thực hiện dịch vụ môi trường rừng.

### **3.6. Những thành công, tồn tại trong tái cơ cấu ngành lâm nghiệp tỉnh Hà Tĩnh**

#### **3.6.1. Những thành công**

Sau 3 năm thực hiện đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp, tỉnh Hà Tĩnh đã gặt hái được những thành công trên một số khía cạnh:

- Chuyển dịch cơ cấu các loại rừng theo chiều hướng tích cực, tăng tỷ trọng diện tích đất lâm nghiệp có rừng và tỷ trọng rừng sản xuất.

- Tăng chất lượng rừng thông qua tăng tỷ lệ che phủ, tăng diện tích rừng tự nhiên và tăng diện tích đất lâm nghiệp được khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng.

- Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp tăng với tốc độ khá tốt và có hướng chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành tốt.

- Sản lượng khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ tăng trưởng tốt, đặc biệt là nhựa thông và gỗ.

- Chuyển dịch thành phần tham gia quản lý, phát triển lâm nghiệp theo hướng đa dạng hóa.

- Hệ thống cơ sở chế biến gỗ được điều chỉnh theo hướng tăng số lượng cơ sở chế biến quy mô lớn, chất lượng sản phẩm cao, giảm số lượng cơ sở quy mô nhỏ, chất lượng thấp.

- Cơ cấu vốn cho lĩnh vực lâm nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng vốn từ ngân sách cấp và giảm tỷ trọng vốn ngoài ngân sách.

#### **3.6.2. Những tồn tại**

Song song với những thành công bước đầu trong công cuộc tái cơ cấu ngành lâm nghiệp là những tồn tại, khó khăn cần tìm hướng khắc phục:

- Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp vẫn ở mức thấp, chỉ đạt trên 1% tổng giá trị sản xuất của toàn tỉnh, chưa tương xứng với tiềm năng của ngành lâm nghiệp.

- Số lượng và chất lượng rừng mặc dù có xu hướng tăng nhưng chưa tạo được chuyển biến căn bản, vẫn tồn tại nhiều nguy cơ thiếu bền vững. Hiện tượng khai thác trộm rừng tự nhiên, cháy rừng, lấn chiếm rừng để phát triển kinh tế vẫn còn xảy ra và ngày càng phức tạp, khó kiểm soát.

- Cơ cấu cây trồng rừng còn đơn điệu, năng suất rừng trồng không cao, hiệu quả sản xuất kinh doanh rừng còn thấp.

- Lĩnh vực chế biến lâm sản chưa phát triển, kỹ thuật và công nghệ chế biến còn lạc hậu, sản xuất nhỏ lẻ và hiệu quả thấp.

- Vốn đầu tư cho lĩnh vực lâm nghiệp còn ở mức thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành.

- Sức cạnh tranh của các sản phẩm từ rừng: gỗ và lâm sản ngoài gỗ còn nhiều hạn chế về chất lượng, sản lượng. Lâm sản xuất khẩu phần lớn vẫn là dăm gỗ.

### **3.7. Giải pháp thúc đẩy tái cơ cấu ngành lâm nghiệp tỉnh Hà Tĩnh**

Nhằm phát huy những thành quả đạt được và khắc phục những tồn tại, khó khăn, ngành lâm nghiệp nói riêng và tỉnh Hà Tĩnh nói chung cần thực hiện đồng bộ các giải pháp trên các mặt: quản lý, kỹ thuật và chính sách.

- *Giải pháp về quản lý:*

+ Rà soát lại quy hoạch phát triển rừng, đề cao mục tiêu tăng tỷ trọng rừng sản xuất, giảm tỷ trọng rừng phòng hộ bên cạnh việc bảo vệ diện tích rừng đặc dụng, rừng tự nhiên.

+ Tăng cường thu hút vốn đầu tư vào lâm nghiệp, tập trung trồng rừng sản xuất đặc biệt là khuyến khích phát triển trồng rừng cây gỗ lớn.

+ Tăng cường các biện pháp quản lý bền vững rừng: nâng cao chất lượng rừng, tăng cường quản lý, bảo vệ, phát triển rừng đang có, khai thác hợp lý, hạn chế nạn khai thác trái phép, lấn chiếm đất rừng...

- *Giải pháp về kỹ thuật:*

+ Lựa chọn giống cây trồng rừng phù hợp; đẩy mạnh phát triển mô hình trồng cây gỗ lớn, chuyển hướng từ khai thác gỗ non xuất khẩu dăm gỗ sang khai thác gỗ lớn.

+ Nâng cao công nghệ chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ thông qua các hình thức liên doanh liên kết, phát triển làng nghề; tập trung sản xuất và tiêu thụ các loại lâm sản có ưu thế.

+ Phát triển các mô hình nông lâm kết hợp

trên đất lâm nghiệp.

- *Giải pháp về chính sách:*

+ Tăng cường các chính sách về vốn cho ngành lâm nghiệp. Tăng chi từ ngân sách nhà nước, thực hiện các chính sách ưu đãi về tín dụng cho phát triển lâm nghiệp.

+ Khuyến khích xây dựng và cấp chứng chỉ FSC cho rừng trồng nguyên liệu

+ Khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp thông qua các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, thuê đất, giao đất...

#### **IV. KẾT LUẬN**

Công cuộc tái cơ cấu ngành lâm nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đã đạt được một số thành công trong chuyển dịch cơ cấu các loại rừng theo hướng tích cực, tăng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp, tăng chất lượng rừng, chuyển hướng cơ cấu các cơ sở chế biến lâm sản, chuyển dịch thành phần tham gia quản lý, phát triển rừng và chuyển dịch cơ cấu vốn đầu tư phát triển lâm nghiệp. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số yếu kém trong chuyển dịch cơ cấu ngành lâm nghiệp: tồn tại nhiều nguy cơ thiếu bền vững, cơ cấu cây trồng rừng đơn điệu, vốn đầu tư cho

lâm nghiệp ở mức thấp, công nghệ chế biến lâm sản vẫn ở mức thấp.

Để phát huy thành công đã đạt được và khắc phục những tồn tại, tỉnh Hà Tĩnh cần thực hiện đồng bộ các giải pháp về quản lý, kỹ thuật và chính sách.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Sở NN&PTNT tỉnh Hà Tĩnh (2016), *Báo cáo điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020*

2. Nguyễn Thị Thu Hằng (2014), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2010-2013*, Thống kê và cuộc sống số 6 năm 2014

3. Trần Hoài Nam (2016), *Kết quả hoạt động xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2015*, Thống kê và cuộc sống số 3 năm 2016

4. Hà Công Tuấn (2015), *Nhìn lại lâm nghiệp 2011-2015, định hướng phát triển bền vững đến 2020*, website: nongnghiep.vn

5. Bộ Nông nghiệp &PTNT (2013), *Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp ban hành ngày 8 tháng 7 năm 2013*.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2014), *Quyết định số 1373/QĐ-UBND phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh*.

7. Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh (2016), *Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh 2015*, NXB Thống kê.

### **SITUATION AND SOLUTION**

## **TO PROMPT RESTRUCTURING HA TINH PROVINCE'S FORESTRY**

**Vo Thi Phuong Nhung**

*Vietnam National University of Forestry*

### **SUMMARY**

The restructure of agriculture branch generally - and forestry specifically is one of the most important goals to develop socio-economy in Ha Tinh's international integration stage. The 2013 - 2015 period had some positive changes in the forestry branch's restructuring towards raising the productive value, increasing forest quality; diversifying production activities and forestry development participants... But in practice, the forestry sector restructuring process are still facing difficulties and shortcomings; there remain many unsustainable threats, monotonous forest plants structure, poor forest products processing technology, little forestry investment capital, inadequate wood and forest products competitive power. To solve these problems, solutions must be carried out synchronously in managing, engineering, and policy.

**Keywords:** Forestry, Ha Tinh, restructure.

**Người phản biện : PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn**

**Ngày nhận bài : 25/11/2016**

**Ngày phản biện : 19/11/2016**

**Ngày quyết định đăng : 10/12/2016**